

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Mạnh Cường.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Lộc.

Ông Trần Văn Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1983; CCCD số 038183049635 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số H2/116, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Ngô Trung Đ, sinh năm 1975; CCCD số 036075024197 cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: Số H2/116, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai đề ngày 14/3/2024 nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ngày 01 tháng 01 năm 2005, bà H và ông Ngô Trung Đ tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/12/2004. Sau khi kết hôn, bà H và ông Đ thuê nhà chung sống với nhau tại ấp Nam Sơn, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 9/2005 vợ chồng mua nhà, sửa chữa lại và dọn về ở vào khoảng tháng 11/2005 cho đến nay.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ sống không quan tâm đến gia đình thường xuyên đi nhậu, đi sớm về muộn. Từ đó, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần ông Đ đã đánh bà

H nhưng không để lại thương tích gì. Ngoài ra, bà H nghi ngờ ông Đ không chung thủy với bà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông Đ hay ghen tuông vô cớ và xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà cùng gia đình. Bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, giữa bà H và ông Đ không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Trung Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Ngô Lê Quỳnh G, sinh ngày 12/10/2005 và cháu Ngô Lê Quỳnh T, sinh ngày 23/4/2008. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trâm và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu G đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà H không còn yêu cầu gì khác, ngày 14/6/2024 bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Theo các lời khai của bị đơn ông Ngô Trung Đ trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đ và bà Lê Thị H yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QQ, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 27/12/2004. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của ông Đ.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2020 nguyên nhân do ông Đ tai biến nặng và không có khả năng làm việc nên phải nghỉ. Theo ông Đ mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ khoảng năm 2020 khi ông Đ nghỉ việc không làm ra tiền là vợ chồng hay xảy ra cãi vã, tranh luận với nhau nên vợ chồng ít quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng cũng có ngồi xuống nói chuyện hòa giải mâu thuẫn với nhau, thậm chí ông Đ còn nhờ cả mẹ vợ khuyên nhủ và hòa giải nhưng vẫn không được. Ngoài ra giữa vợ chồng không có sự thấu hiểu cho nhau, từ khi ông Đ bị bệnh có những thói quen sinh hoạt phải thay đổi tuy nhiên bà H không thể thông cảm hay thấu hiểu dẫn đến vợ chồng dần dần mất đi tình cảm và không còn được như trước nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ông Đ có nhờ gia đình hai bên và các con nhiều lần khuyên nhủ nhưng vẫn không thể hòa giải được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Ngô Lê Quỳnh G, sinh ngày 12/10/2005 và cháu Ngô Lê Quỳnh T, sinh ngày 23/4/2008. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý giao cháu T cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do hiện nay ông Đ không có việc làm và thu nhập, kinh tế khó khăn. Riêng cháu G đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Ngoài ra, ông Đ không còn yêu cầu gì khác. Ngày 13/6/2024 ông Ngô Trung Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy do mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ngô Trung Đ và bà Lê Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, xử cho bà H và ông Đ ly hôn. Giao cháu Ngô Lê Quỳnh T, sinh ngày 23/4/2008 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời ông Ngô Trung Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ngô Lê Quỳnh G đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 cho nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Ngô Trung Đ. Ngày 14/6/2024 bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 13/6/2024 ông Ngô Trung Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Trung Đ và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Ngô Trung Đ hiện đang cư trú tại số H2/116, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định bà Lê Thị H là nguyên đơn, ông Ngô Trung Đ là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Bà Lê Thị H và ông Ngô Trung Đ khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/12/2004 (BL 07) theo quy định tại Điều 9, 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, bà H và ông Đ cùng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 22, 23, 24, 25) điều này

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bà H, ông Đ có trong hồ sơ vụ án.

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của ông Đ: Theo ông Đ xác định mâu thuẫn giữa ông và bà H đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với nhau nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Xét ý kiến của ông Đ là phù hợp với nhận định trên và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà H và ông Đ có 02 con chung là cháu Ngô Lê Quỳnh G, sinh ngày 12/10/2005 và cháu Ngô Lê Quỳnh T, sinh ngày 23/4/2008. Xét yêu cầu của bà H được nuôi dưỡng cháu Ngô Lê Quỳnh T là có căn cứ, bởi lẽ theo cháu T xác định trong trường cha mẹ không còn chung sống với nhau thì cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ (BL 26). Ngoài ra, yêu cầu nuôi dưỡng con chung đã được bà H và ông Đ tự nguyện thỏa thuận trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần ghi nhận ý kiến của ông Đ và bà H.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà H không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đ.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bà H, ông Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Ngô Trung Đ. Xử cho bà Lê Thị H và ông Ngô Trung Đ ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Ngô Lê Quỳnh T, sinh ngày 23/4/2008 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.2.1] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Ngô Trung Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị H không yêu cầu.

[2.2.2] Sau khi ly hôn ông Đ vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ...).

[2.2.3] Đối với con chung là cháu Ngô Lê Quỳnh G đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007706 ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Q, H. T
- (Giấy CNKH số 182/2004);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Cường